

P. Lào Cai, ngày 10 tháng 07 năm 2026

Số: 394 /TM-TTYT

V/v mời chào giá gói thầu mua hóa chất miễn
dịch phục vụ công tác khám chữa bệnh của
Trung tâm Y tế khu vực Lào Cai – Cam
Đường năm 2026-2027

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế khu vực Lào Cai – Cam Đường có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua hóa chất miễn dịch phục vụ công tác khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế khu vực Lào Cai – Cam Đường năm 2026-2027, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế khu vực Lào Cai – Cam Đường, số 393A, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ds Đinh Thùy Giang, Khoa Dược-Vật tư, thiết bị Y tế, SĐT: 0978.198.836

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Báo giá trực tiếp gửi về: Khoa Dược – Vật tư y tế, Trung tâm Y tế khu vực Lào Cai – Cam Đường, số 393A, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai, với tiêu đề "Báo giá của Công ty ...;

- Nhận qua email: Bản Scan và File mềm vui lòng gửi về email: khoaduocbvdktplc@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 11 tháng 7 năm 2026 đến trước 15h ngày 17 tháng 07 năm 2026. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 11 tháng 07 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hóa chất yêu cầu báo giá gồm: Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm.

2. Địa điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp thiết bị y tế:

- Địa điểm cung cấp: Khoa Dược – Vật tư, thiết bị y tế, Trung tâm Y tế khu vực Lào Cai – Cam Đường, số 393A, đường Điện Biên, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai

- Vận chuyển, cung cấp : trực tiếp tại Trung tâm Y tế khu vực Lào Cai – Cam Đường

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý II năm 2026

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Thanh toán theo tiến độ giao hàng
- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 90 ngày kể từ khi bên mời thầu nhận được đầy đủ chứng từ thanh toán theo quy định của pháp luật

5. Các thông tin khác (nếu có):

- Văn bản công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế của đơn vị chào giá

Bản chào giá của Quý công ty sẽ là căn cứ để Trung tâm thực hiện các bước tiếp theo trong quy trình đấu thầu, rất mong nhận được sự quan tâm và tham gia từ phía các công ty./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HST.

GIÁM ĐỐC



Vũ Anh Dũng

DANH MỤC ĐẦU THẦU HOÁ CHẤT VẬT TƯ THEO MÁY NĂM 2026



STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng dự kiến
1	Hóa chất xét nghiệm HBsAg	Mục đích sử dụng: Để sử dụng cho chẩn đoán in vitro để phát hiện định tính kháng nguyên bề mặt kháng vi rút viêm gan B (HBsAg) trong huyết tương hoặc huyết thanh người	Hộp		10
2	Hóa chất xét nghiệm HBsAb	Mục đích sử dụng: Để sử dụng cho chẩn đoán in vitro để phát hiện định tính và định lượng kháng thể với kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B (anti-HBs) trong huyết tương hoặc huyết thanh người.	Hộp		5
3	Hóa chất xét nghiệm HBcAb	Mục đích sử dụng: Để sử dụng cho chẩn đoán in vitro để phát hiện định tính kháng thể kháng kháng nguyên lõi vi rút viêm gan B (anti-HBc) trong huyết tương hoặc huyết thanh người.	Hộp		5
4	Hóa chất xét nghiệm HBcIgM	Mục đích sử dụng: Để sử dụng cho chẩn đoán in vitro để phát hiện định tính kháng thể IgM với kháng nguyên lõi vi rút viêm gan B (anti-HBc IgM) trong huyết tương hoặc huyết thanh người	Hộp		5
5	Hóa chất xét nghiệm HBeAg	Mục đích sử dụng: Để sử dụng cho chẩn đoán in vitro để phát hiện định tính kháng nguyên e vi rút viêm gan B (HBeAg) trong huyết tương hoặc huyết thanh người.	Hộp		5

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng dự kiến
6	Hóa chất xét nghiệm AFP-N	Mục đích sử dụng: Để sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng alpha-fetoprotein (AFP) trong huyết tương hoặc huyết thanh.	Hộp		15
7	Hóa chất xét nghiệm HCV Ab	Sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C trong huyết tương hoặc huyết thanh người; hỗ trợ cho chẩn đoán nhiễm virus viêm gan C.	Hộp		5
8	Hóa chất xét nghiệm HIV Ag/Ab	Sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm phát hiện định tính kháng thể Anti HIV-1, kháng thể Anti HIV-2 và kháng nguyên HIV-1 P24 trong huyết tương hoặc huyết thanh người; hỗ trợ cho chẩn đoán nhiễm virus HIV kháng nguyên ở người.	Hộp		5
9	Hóa chất xét nghiệm CEA-N	Mục đích sử dụng: Để sử dụng cho chẩn đoán in vitro để định lượng kháng nguyên ung thư phôi (CEA) trong huyết tương hoặc huyết thanh	Hộp		15
10	Hóa chất xét nghiệm CA125	Mục đích sử dụng: Để sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng CA125 trong huyết tương hoặc huyết thanh.	Hộp		15
11	Hóa chất xét nghiệm CA15-3	Mục đích sử dụng: Để sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng CA15-3 trong huyết tương hoặc huyết thanh	Hộp		15
12	Hóa chất xét nghiệm CA19-9	Mục đích sử dụng: Để sử dụng cho chẩn đoán in vitro để định lượng CA19-9 trong huyết tương hoặc huyết thanh.	Hộp		15

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng dự kiến
13	Hóa chất xét nghiệm PSA	Mục đích sử dụng: Để sử dụng cho chẩn đoán in vitro để định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt (PSA) trong huyết tương hoặc huyết thanh.	Hộp		15
14	Hóa chất xét nghiệm Free PSA	Mục đích sử dụng: Để sử dụng cho chẩn đoán in vitro để định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt tự do	Hộp		15
15	Hóa chất xét nghiệm CYFRA	Mục đích sử dụng: Để sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng cytokeratin đoạn tiểu đơn vị 19 (CYFRA) trong huyết thanh	Hộp		15
16	Hóa chất xét nghiệm TSH IFCC	Mục đích sử dụng: Để sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng hormone kích thích tuyến giáp (TSH) trong huyết thanh hoặc huyết tương	Hộp		70
17	Hóa chất xét nghiệm FT3	Mục đích sử dụng: Để sử dụng cho chẩn đoán in vitro để định lượng triiodothyronine tự do (FT3) trong huyết tương hoặc huyết thanh	Hộp		70
18	Hóa chất xét nghiệm FT4	Mục đích sử dụng: Để sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng thyroxine tự do (FT4) trong huyết tương hoặc huyết thanh	Hộp		70
19	Hóa chất xét nghiệm TgAb	Mục đích sử dụng: Để sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng các kháng thể anti-thyroglobulin trong huyết tương hoặc huyết thanh	Hộp		10
20	Hóa chất xét nghiệm TPOAb	Mục đích sử dụng: Để sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng các kháng thể kháng thyroglobulin trong huyết tương hoặc huyết thanh.	Hộp		5

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng dự kiến
21	Hóa chất xét nghiệm β HCG	Mục đích sử dụng: Để sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng beta human chorionic gonadotropin toàn phần (β HCG) trong huyết tương hoặc huyết thanh	Hộp		10
22	Hóa chất xét nghiệm Ferritin	Mục đích sử dụng: Để sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng ferritin trong huyết tương hoặc huyết thanh	Hộp		10
23	Hóa chất xét nghiệm BNP	Sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng peptid natri lợi niệu loại B ở người (BNP) trong huyết tương người. Số đo BNP rất hữu ích trong chẩn đoán suy tim.	Hộp		5
24	Hóa chất xét nghiệm Troponin I	Sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng và đo độ nhạy cao Troponin-I tim (cTnl) trong huyết tương hoặc huyết thanh người.	Hộp		5
25	Hóa chất xét nghiệm CK-MB	Sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng MB iso-enzym của creatine kinase (CK-MB) trong huyết tương hoặc huyết thanh người.	Hộp		5
26	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, mức nồng độ 1	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch thường quy	Lọ		4
27	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, mức nồng độ 2	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch thường quy	Lọ		4
28	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, mức nồng độ 3	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch thường quy	Lọ		4
29	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn ung thư, mức nồng độ 1	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn ung thư	Lọ		4

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng dự kiến
30	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn ung thư, mức nồng độ 2	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn ung thư	Lọ		4
31	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn ung thư, mức nồng độ 3	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn ung thư	Lọ		4
32	Virotrol III, Class A	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm các bệnh truyền nhiễm	Lọ		2
33	Virotrol I, Class B	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm các bệnh truyền nhiễm	Lọ		2
34	Viroclear	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm các bệnh truyền nhiễm	Lọ		2
35	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm HBeAg	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm HBeAg	Lọ		1
36	Vật liệu kiểm soát dương tính xét nghiệm định tính kháng nguyên vi rút gây suy giảm hệ miễn dịch ở người loại 1 (HIV-1)	Vật liệu kiểm soát dương tính xét nghiệm định tính kháng nguyên vi rút gây suy giảm hệ miễn dịch ở người	Lọ		1
37	Liquichek Specialty Immunoassay Control, Level 1	QC cho các xét nghiệm sau: Anti-Tg, Anti-TPO, C-Peptide, PTH, 25-OH Vitamin D	Lọ		3
38	Liquichek Specialty Immunoassay Control, Level 2	QC cho các xét nghiệm sau: Anti-Tg, Anti-TPO, C-Peptide, PTH, 25-OH Vitamin D	Lọ		3
39	Liquichek Specialty Immunoassay Control, Level 3	QC cho các xét nghiệm sau: Anti-Tg, Anti-TPO, C-Peptide, PTH, 25-OH Vitamin D	Lọ		3

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng dự kiến
40	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HBsAg	Hóa chất hiệu chuẩn HBsAg	Hộp		2
41	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm HBsAg	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm HBsAg	Hộp		2
42	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HBsAb-N	Hóa chất hiệu chuẩn HBsAb	Hộp		2
43	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HBcAb-N	Hóa chất hiệu chuẩn HBcAb	Hộp		2
44	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm HCVAAb	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm HCVAAb	Hộp		2
45	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm HIVAb	Hóa chất chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm HIVAb	Hộp		2
46	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm BNP	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm BNP	Hộp		2
47	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm AFP-N	Hóa chất hiệu chuẩn AFP	Hộp		4
48	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CEA-N	Hoá chất hiệu chuẩn CEA	Hộp		4

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng dự kiến
49	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CA125 II	Hóa chất hiệu chuẩn CA125	Hộp		2
50	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CA15-3	Hóa chất hiệu chuẩn CA15-3	Hộp		2
51	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CA19-9-N	Hóa chất hiệu chuẩn CA19-9	Hộp		2
52	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm PSA-N	Hóa chất hiệu chuẩn PSA	Hộp		2
53	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Free PSA	Hóa chất hiệu chuẩn Free PSA	Hộp		2
54	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CYFRA	Hóa chất hiệu chuẩn Cyfra	Hộp		3
55	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm TSH IFCC	Hóa chất hiệu chuẩn TSH	Hộp		5
56	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm FT3-III	Hóa chất hiệu chuẩn FT3	Hộp		5

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng dự kiến
57	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm FT4-N	Hóa chất hiệu chuẩn FT4	Hộp		5
58	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm β HCG	Hóa chất hiệu chuẩn β HCG	Hộp		4
59	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Ferritin-N	Hóa chất hiệu chuẩn Ferritin	Hộp		3
60	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm BNP	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm BNP	Hộp		3
61	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm siêu nhạy Troponin I	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm siêu nhạy Troponin I	Hộp		3
62	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm CK-MB	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm CK-MB	Hộp		3
63	Đầu côn hút mẫu bệnh phẩm dùng cho máy G1200	Đầu côn hút mẫu bệnh phẩm cho	Hộp		20
64	Dung dịch cơ chất dùng cho máy G1200	Sản phẩm này là một loại thuốc thử phổ biến được dùng cho phản ứng enzym	Hộp		18

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng dự kiến
65	Dung dịch pha loãng mẫu bệnh phẩm 1 cho máy G1200	Dung dịch pha loãng mẫu	Hộp		7
66	Dung dịch rửa miễn dịch	Dung dịch rửa cho máy xét nghiệm miễn dịch	Chai		35
67	Cóng (cu-vét) pha loãng	Sản phẩm này được thiết kế để pha loãng mẫu và kiểm tra Mẫu trắng Cơ chất và chất lượng nước	Hộp		7
68	Lọc CO2 (Vôi soda)	Thành phần: Ca(OH)2 : 80-85%, NaOH: 1-5%, KOH: 1-5%	Hộp		2
	Tổng cộng: 68 khoản				